

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3768771

Fax: 0247 3766149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI TRIBECO**

2. Thành phần: Nước 100%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Đóng chai với thể tích thực ở 20 °C: 500 ml hay theo nhu cầu thị trường.

+ Đóng thùng với thể tích thực ở 20 °C: 12 L (24 chai x 500 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.

- Chất liệu bao bì: Chai nhựa PET, nắp nhựa HDPE. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Mã hóa và địa chỉ nơi sản xuất: xem bên cạnh ngày sản xuất.

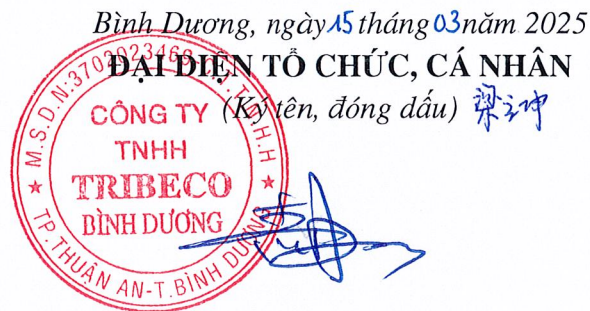
III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất: TCCS số: 05-NGK/TBCBD/2025.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



DAI, ZHILIN

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI TRIBECO	TCCS số: 05-NGK/TBCBD/2025
------------------------------------	--------------------------------	-------------------------------

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch lỏng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Đặc trưng của sản phẩm không có mùi lạ.

2. Các chỉ tiêu hóa học:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Stibi	mg/l	0,02
2	Arsen	mg/l	0,01
3	Bari	mg/l	0,7
4	Bor	mg/l	0,5
5	Bromat	mg/l	0,01
6	Cadmi	mg/l	0,003
7	Clor	mg/l	5
8	Clorat	mg/l	0,7
9	Clorit	mg/l	0,7
10	Crom	mg/l	0,05
11	Đồng	mg/l	2
12	Cyanid	mg/l	0,07
13	Fluorid	mg/l	1,5
14	Chì	mg/l	0,01
15	Mangan	mg/l	0,4
16	Thủy ngân	mg/l	0,006
17	Molybden	mg/l	0,07
18	Nickel	mg/l	0,07
19	Nitrat	mg/l	50
20	Nitrit	mg/l	3

54
T
H
C
Đ

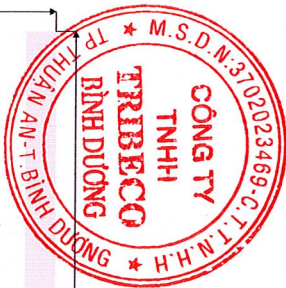
21	Selen	mg/l	0,01
22	Hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,5
23	Hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	<i>E. coli</i>	CFU/250 ml	0
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/250 ml	0
3	Coliform tổng số	CFU/250 ml	0
4	<i>Streptococci feacal</i>	CFU/250 ml	0
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50 ml	0



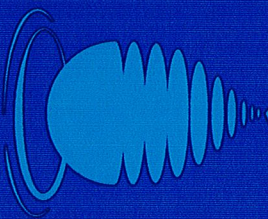


210 mm



TRIBECO
BOTTLED DRINKING WATER

Net content at 20 °C: **500 ml**



TRIBECO
NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

Thể tích thực ở 20 °C: **500 ml**

NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI TRIBECO

Thành phần: Nước 100%.

Hương dân sử dụng: Sử dụng trực tiếp.

Hương dân bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng.

NSX & HSD: Xem trên nắp hoặc thân chai.

Số TCB: 05-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025

Tư vấn khách hàng: Chamsackhaachang@tribeco.com.vn

Đường dây nóng: 0274 3769 884 – 0221 6283 628

Sản phẩm của:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Sản xuất tại:

B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.



Sản xuất tại Việt Nam.



5 mm

3 mm

N.T. Loan

Đỗ Thị Hài

Trang

LANG LI KUN

Lê Dung 04.03.2025

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216L1680

Mã KQ/ RP. No: 001096030.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 09/12/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 09/12/2024 - 14/12/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI TRIBECO
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Antimon (Sb) (*)/ Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022
2	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021
3	Bari (Ba) (*)/ Barium (Ba) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.002	TS-KT-QP-51:2022
4	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021
5	Bromate	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022
6	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021
7	Clo tự do (tính theo Cl ₂) (*)/ Free chlorine (as Cl ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.015	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)
8	Chlorate	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022
9	Clorit (ClO ₂ ⁻) (*)/ Chlorite (ClO ₂ ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)
10	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)
11	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216L1680

Mã KQ/ RP. No: 001096030.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
12	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)
13	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)
14	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021
15	Mangan (Mn) (*)/ Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)
16	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021
17	Molypden (Mo) (*)/ Molybdenum (Mo) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021
18	Niken (Ni) (*)/ Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)
19	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*)/ Nitrate (NO ₃ ⁻) (*)	0.576	mg/L	-	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)
20	Nitrit (NO ₂ ⁻) (*)/ Nitrite (NO ₂ ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)
21	Selen (Se) (*)/ Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022
22	Hoạt độ phóng xạ alpha/ Gross α-radioactivity	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)

315-001
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
TSL
HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
HÀ NỘI

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216L1680

Mã KQ/ RP. No: 001096030.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
23	Hoạt độ phóng xạ beta/ Gross β -radioactivity	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER


LÝ BÁ HẢO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



QUALITY BUILDS TRUST✓

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 14/12/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y216L1680

Mã KQ/ RP. No: 001096030.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 09/12/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 09/12/2024 - 14/12/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI TRIBECO**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	<i>Escherichia coli</i> (*)	0	CFU/250mL	-	ISO 9308-1:2014
2	Coliforms (*)	0	CFU/250mL	-	ISO 9308-1:2014
3	<i>Streptococci faecal</i> (*)	0	CFU/250mL	-	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)
4	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	0	CFU/250mL	-	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite (<i>Clostridia</i>) (*)/ Spores of sulfite-reducing anaerobes (<i>Clostridia</i>) (*)	0	CFU/50mL	-	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04